| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: 95/2025/HNGĐ - ST
Ngày 15-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Kim Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Lê Văn Nghĩa

Ông Đỗ Thanh Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Liễu Hạnh là thư ký của Toà án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Duy Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cai Thị Ngọc C, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là ấp B, xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cai Thị Ngọc C trình bày: Chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hôn nhân do tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường

xuyên cãi vã, không phù hợp về tính tình. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Cai Thị Ngọc C yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C1. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/8/2007 và Nguyễn Ngọc Trường L, sinh ngày 17/01/2018. Nguyễn Nhật T đã thành niên và đủ khả năng lao động. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Trường L. Chị C chưa yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Chị Cai Thị Ngọc C khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 18/11/2025, bị đơn là anh Nguyễn Văn C1 trình bày: Chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay xét thấy hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Văn C1 đồng ý ly hôn với chị Cai Thị Ngọc C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/8/2007 và Nguyễn Ngọc Trường L, sinh ngày 17/01/2018. Khi ly hôn, anh C1 đồng ý để chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Trường L. Anh C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn C1 khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cai Thị Ngọc C. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cai Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Văn C1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trường L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C1 chưa cấp dưỡng nuôi con vì chị C chưa có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị C phải chịu án phí theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 là quan hệ tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là chị Cai Thị Ngọc C và bị đơn là anh Nguyễn Văn C1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị C và anh C1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp), số đăng ký 43, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 25 tháng 7 năm 2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị C và anh C1 chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị C yêu cầu được ly hôn với anh C1 và anh C1 thuận tình ly hôn với chị C là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật T, sinh ngày 19/8/2007 và Nguyễn Ngọc Trường L, sinh ngày 17/01/2018. Nguyễn Nhật T đã thành niên và đủ khả năng lao động. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Trường L. Chị C chưa yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C1 đồng ý để chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Ngọc Trường L. Nguyễn Ngọc Trường L có nguyện vọng được sống với mẹ nên Hội đồng xét xử ghi nhận, để chị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Trường L. Anh Nguyễn Văn C1 chưa cấp dưỡng nuôi con chung vì chị C chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Cai Thị Ngọc C và anh Nguyễn Văn C1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cai Thị Ngọc C.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cai Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Văn C1.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Trường L, sinh ngày 17/01/2018 cho chị Cai Thị Ngọc C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn C1 chưa cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Cai Thị Ngọc C chưa có yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn C1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: Chị Cai Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003135 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên chị Cai Thị Ngọc C đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Trưng, tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3-Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Kim Hằng**